

Số: 121/2023/VLC/CB-BCTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 2/2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức:
 - Mã chứng khoán: VLC
 - Địa chỉ: 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Điện thoại liên hệ: 0243.862.1688
 - Email: ir@vilico.vn Website: <https://www.vilico.vn/>
- Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC Quý 2 năm 2023:
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)
 - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - Có Không
 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp có:
 - Có Không
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:
 - Có Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp có:
 - Có Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/07/2023 tại đường dẫn: Vilico.vn/ Thông tin cổ đông/ Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, VT

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Người được ủy quyền công bố thông tin



Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính/ CFO



**TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI
VIỆT NAM – CTCP**
-----o0o-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

Số: 120/2023/VLC/CVGT

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2023

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức : **TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP**

- Mã chứng khoán : **VLC**
- Địa chỉ : 519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ : 0243.862.1688
- E-mail: **ir@vilico.vn**

2. Nội dung thông tin công bố:

2.1. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính riêng Quý 2 năm 2023
(Đơn vị tính: VND):

Chỉ tiêu	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Thay đổi	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	71.407.856.986	108.923.958.494	-37.516.101.508	-34,44%

Lợi nhuận sau thuế TNDN riêng Quý 2 năm 2023 giảm 37.516.101.508 đồng, tương ứng giảm 34,44% so với cùng kỳ Quý 2 năm 2022 do: nguồn thu từ công ty mẹ chủ yếu đến từ hoạt động tài chính, bên cạnh đó trong tháng 5/2023 Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu thông báo thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 1.000 đồng/ 1 cổ phần thấp hơn mức chi trả cùng kỳ của năm 2022 là 1.500 đồng/ 1 cổ phần.

2.2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2023
(Đơn vị tính: VND):

Chỉ tiêu	Quý 2 năm 2023	Quý 2 năm 2022	Thay đổi	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau Thuế TNDN	65.213.696.241	57.549.672.075	7.664.024.166	13,32%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất Quý 2 năm 2023 tăng 7.644.024.166 đồng, tương ứng tăng 13,32% so với cùng kỳ Quý 2 năm 2022 do: Doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất tăng 67,93% so với cùng kỳ.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT, VT

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

Người được ủy quyền công bố thông tin



Lê Huy Bích

Giám đốc Tài chính/ CFO

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 10) là ngày 04 tháng 05 năm 2023.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên
Ông Trịnh Phương Nam	Thành viên (từ ngày 27/4/2023)
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên (đến ngày 27/4/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Phương Nam	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/5/2023)
Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày 1/5/2023)
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 25/4/2023)
Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban
Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
Ông Trương Anh Vũ	Thành viên

Trụ sở đăng ký

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 3 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Trịnh Phương Nam
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2023

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		582.875.490.608	853.366.878.351
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	127.256.638.292	26.073.122.145
Tiền	111		12.256.638.292	11.073.122.145
Các khoản tương đương tiền	112		115.000.000.000	15.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		301.000.000.000	666.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	301.000.000.000	666.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		151.301.556.776	157.654.424.255
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.921.262.773	2.252.593.113
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	136.102.313.457	126.257.445.512
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	17.238.055.546	33.104.460.630
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(3.960.075.000)	(3.960.075.000)
Hàng tồn kho	140		37.870.000	37.870.000
Hàng tồn kho	141		37.870.000	37.870.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.279.425.540	3.601.461.951
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		131.044.449	207.716.781
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		890.456.259	1.297.581.332
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15(a)	2.257.924.832	2.096.163.838

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.077.990.355.731	1.710.164.493.319
Tài sản cố định	220		7.854.825.310	9.200.213.818
Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.685.852.391	8.990.310.567
<i>Nguyên giá</i>	222		52.128.771.431	56.824.083.340
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(44.442.919.040)	(47.833.772.773)
Tài sản cố định vô hình	227		168.972.919	209.903.251
<i>Nguyên giá</i>	228		686.582.000	686.582.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(517.609.081)	(476.678.749)
Tài sản dở dang dài hạn	240		27.763.961.120	10.271.530.741
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	27.763.961.120	10.271.530.741
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	2.042.112.744.796	1.690.343.735.833
Đầu tư vào công ty con	251		1.872.011.636.965	1.520.111.636.965
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		238.833.528.842	238.833.528.842
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		29.761.912.327	29.761.912.327
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(98.494.333.338)	(98.363.342.301)
Tài sản dài hạn khác	260		258.824.505	349.012.927
Chi phí trả trước dài hạn	261		258.824.505	349.012.927
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.660.865.846.339	2.563.531.371.670

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		211.786.238.192	188.996.997.865
Nợ ngắn hạn	310		211.786.238.192	188.996.997.865
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.589.078.831	2.608.165.701
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.470.020.756	1.694.893.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	1.212.542.677	847.660.552
Phải trả người lao động	314		1.025.650.654	1.022.493.565
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		155.000.000	182.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	157.958.639.097	138.222.463.069
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	2.118.531.840	2.004.069.120
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	45.256.774.337	42.415.252.858
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.449.079.608.147	2.374.534.373.805
Vốn chủ sở hữu	410	19	2.449.079.608.147	2.374.534.373.805
Vốn cổ phần	411	20	1.723.461.730.000	1.723.461.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.723.461.730.000	1.723.461.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		236.741.977.230	236.741.977.230
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	88.406.702.463	80.559.835.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		400.469.198.454	333.770.830.884
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ này/năm trước	421a		333.770.830.884	165.217.237.054
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		66.698.367.570	168.553.593.830
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.660.865.846.339	2.563.531.371.670

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng



Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Trịnh Phương Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
01	23	982.470.505	938.023.991	1.867.426.437	1.792.949.802
11	24	610.440.775	606.591.161	1.174.494.018	912.263.398
20		372.029.730	331.432.830	692.932.419	880.686.404
21	25	78.841.388.277	110.665.086.625	93.543.375.681	122.980.146.283
22	26	839.870.435	936.080.345	130.991.037	1.327.457.371
26	27	6.699.740.579	5.319.952.768	14.691.373.332	8.851.379.252
30		71.673.806.993	104.740.486.342	79.413.943.731	113.681.996.064
31	28	259.460.727	9.113.531.550	767.540.281	9.405.405.942
32	29	525.410.734	6.127.010.245	1.712.816.285	7.073.546.322
40		(265.950.007)	2.986.521.305	(945.276.004)	2.331.859.620

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 02a– DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2023	VND	30/6/2023	VND	30/6/2022
50	Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		71.407.856.986	107.727.007.647	78.468.667.727	116.013.855.684
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	(1.210.473.627)	-	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	13.522.780	-	27.045.559
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		71.407.856.986	108.923.958.494	78.468.667.727	115.986.810.125

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Phương Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	78.468.667.727	116.013.855.684
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	693.461.146	2.010.096.352
Các khoản dự phòng	03	245.453.757	1.050.543.065
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(93.095.993.774)	(126.670.602.046)
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(13.688.411.144)	(7.596.106.945)
Biến động các khoản phải thu	09	4.261.315.116	8.193.701.082
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	16.574.038.949	(612.451.542)
Biến động chi phí trả trước	12	166.860.754	149.179.011
		7.313.803.675	134.321.606
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(1.664.639.174)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.081.911.906)	(3.558.620.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.231.891.769	(5.088.937.733)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(14.233.213.200)	(2.770.632.171)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	204.545.455	8.806.174.074
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23	(300.000.000.000)	(150.000.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn	24	665.000.000.000	192.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(351.900.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	95.880.292.123	101.483.159.968
Tiền thu từ sáp nhập		-	54.572.246.410
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	94.951.624.378	204.090.948.281

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	101.183.516.147	199.002.010.548
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	26.073.122.145	38.848.075.241
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 6)	70	127.256.638.292	237.850.085.789

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính



Trịnh Phương Nam
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04 tháng 5 năm 2023.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2023: 2 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 7(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tổng Công ty có 28 nhân viên (1/1/2023: 26 nhân viên).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán giữa niên độ của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Thuê tài sản (thuê hoạt động)

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty và của công ty mẹ.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ trước.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

5. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Tổng Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	9.608.859	17.281.213
Tiền gửi ngân hàng	12.247.029.433	11.055.840.932
Các khoản tương đương tiền	115.000.000.000	15.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	127.256.638.292	26.073.122.145
	<hr/>	<hr/>

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	176.000.000.000	510.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	125.000.000.000	146.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	-	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	301.000.000.000	666.000.000.000
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

					30/6/2023		
	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
Công ty con							
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Sơn La	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-	(**)
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Hà Nội	-	51,00%	51,00%	727.260.000.000	-	(**)
					1.872.011.636.965	-	

Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng
- Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng
- Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)
- Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung

Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)	(**)
Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-	(**)
Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-	(**)
Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(28.271.912.866)	(**)
Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(43.313.024.837)	(**)
				238.833.528.842	(76.199.521.011)	

Đơn vị khác

- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu
- Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt
- Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương

Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(**)
Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
				29.761.912.327	(22.294.812.327)	
				2.140.607.078.134	(98.494.333.338)	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2023			Giá trị hợp lý VND
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:					
Công ty con					
▪ Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	65.229.971	59,30%	59,30%	1.144.751.636.965	-
▪ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	-	51,00%	51,00%	375.360.000.000	-
				<u>1.520.111.636.965</u>	
Công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	4.614.583.308	(4.614.583.308)
▪ Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	-	36,00%	36,00%	3.318.973.219	-
▪ Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	80.622.827.315	-
▪ Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (*)	7.400.000	16,23%	16,23%	82.777.145.000	(28.210.553.284)
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	6.750.000	40,06%	40,06%	67.500.000.000	(43.243.393.382)
				<u>238.833.528.842</u>	<u>(76.068.529.974)</u>
Đơn vị khác					
▪ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)
▪ Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)
				<u>29.761.912.327</u>	<u>(22.294.812.327)</u>
				<u>1.788.707.078.134</u>	<u>(98.363.342.301)</u>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (**) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch thấp cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	202.632.946	420.108.620
Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu	71.743.526	186.109.653
Bên khác		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	1.327.878.945	1.262.367.484
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	239.000.000
Các khách hàng khác	80.007.356	145.007.356
	1.921.262.773	2.252.593.113

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	130.073.071.464	118.800.000.000
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.308.166.993	3.736.370.512
	136.102.313.457	126.257.445.512

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	-	13.200.000.000
Bên thứ ba		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	14.760.399.997	17.097.316.439
Phải thu người lao động	640.315.728	941.902.349
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết	957.600.000	957.600.000
Phải thu về cổ phần hóa	79.100.000	79.100.000
Phải thu khác	271.839.821	299.741.842
	<hr/>	<hr/>
	17.238.055.546	33.104.460.630
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i>				
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS (*)	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-	3.721.075.000 (3.721.075.000)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	(239.000.000)	-	239.000.000 (239.000.000)
	3.960.075.000	(3.960.075.000)	-	3.960.075.000 (3.960.075.000)

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(3.960.075.000)

(3.960.075.000)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	45.411.891.461	6.310.727.287	4.775.363.138	326.101.454	56.824.083.340
Thanh lý	-	(4.695.311.909)	-	-	(4.695.311.909)
Số dư cuối kỳ	45.411.891.461	1.615.415.378	4.775.363.138	326.101.454	52.128.771.431
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	39.055.006.040	5.290.271.546	3.162.393.733	326.101.454	47.833.772.773
Khấu hao trong kỳ	308.496.570	151.704.694	192.329.550	-	652.530.814
Thanh lý	-	(4.043.384.547)	-	-	(4.043.384.547)
Số dư cuối kỳ	39.363.502.610	1.398.591.693	3.354.723.283	326.101.454	44.442.919.040
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	6.356.885.421	1.020.455.741	1.612.969.405	-	8.990.310.567
Số dư cuối kỳ	6.048.388.851	216.823.685	1.420.639.855	-	7.685.852.391

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có tài sản có nguyên giá 27.436 triệu VND (1/1/2023: 26.832 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Số dư đầu kỳ	10.271.530.741	780.167.941
Tăng trong kỳ	17.492.430.379	9.491.362.800
Số dư cuối kỳ	27.763.961.120	10.271.530.741

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự án bò thịt Tam Đảo	25.584.369.120	10.271.530.741
Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên	2.179.592.000	-
	27.763.961.120	10.271.530.741

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	30/6/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	3.949.998.510	789.999.702	18.501.385.244	3.700.277.049

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	2.571.622	-	-	2.571.622
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.093.340.566	-	-	2.093.340.566
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	-	-	251.650
Thuế nhà đất	-	904.209.712	(742.448.718)	161.760.994
	2.096.163.838	904.209.712	(742.448.718)	2.257.924.832

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	77.753.570	252.697.321	(246.874.027)	83.576.864
Thuế thu nhập cá nhân	113.127.976	448.165.810	(425.125.106)	136.168.680
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.779.006	1.209.001.518	(872.983.391)	992.797.133
Các loại thuế khác	-	237.971.297	(237.971.297)	-
	847.660.552	2.147.835.946	(1.782.953.821)	1.212.542.677

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn	72.616.134	290.567.680
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	135.000.000	135.000.000
Nhận tiền tạm ứng từ Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (*)	149.905.810.604	132.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.845.212.359	5.796.895.389
	157.958.639.097	138.222.463.069

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo thỏa thuận khung về đầu tư được ký kết ngày 5 tháng 9 năm 2022 giữa Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP, Sojitz Corporation (Nhà đầu tư của Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật), Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Công ty mẹ của Tổng Công ty), và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (Công ty con của Tổng Công ty), Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP sẽ là chủ đầu tư của dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối (“Dự án”) tại Huyện Tam Đảo, Tỉnh Vĩnh Phúc. Trong giai đoạn đầu tư tiếp theo, sau khi việc xây dựng dự án được hoàn thành và Dự án đáp ứng đủ điều kiện để chuyển nhượng, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP dự kiến chuyển nhượng Dự án cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Phần vốn góp để thực hiện dự án là phần vốn góp chung của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP và Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật. Đây là khoản tiền Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật tạm ứng trước theo thỏa thuận cho Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP để thực hiện Dự án.

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng tiền thuê đất đang được tạm tính theo đơn giá do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành cho giai đoạn từ tháng 7 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 do khu đất đang sử dụng chưa có hợp đồng thuê và thông báo nộp tiền thuê đất để làm căn cứ xác định nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	42.415.252.858	33.784.204.153
Trích lập trong kỳ	3.923.433.385	5.641.009.117
Sử dụng trong kỳ	(1.081.911.906)	(391.992.357)
Số dư cuối kỳ	45.256.774.337	39.033.220.913

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCN

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	631.010.000.000	-	61.102.545.573	245.863.752.028	937.976.297.601
Phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện sáp nhập với GTN	1.562.483.090.000	-	-	-	1.562.483.090.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	115.986.810.125	115.986.810.125
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	11.282.018.231	(11.282.018.231)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.641.009.117)	(5.641.009.117)
Tăng/(giảm) do sáp nhập	(470.031.360.000)	236.741.977.230	-	22.761.188.826	(210.528.193.944)
Số dư tại ngày 30/6/2022	1.723.461.730.000	236.741.977.230	72.384.563.804	367.688.723.631	2.400.276.994.665
Số dư tại ngày 1/1/2023	1.723.461.730.000	236.741.977.230	80.559.835.691	333.770.830.884	2.374.534.373.805
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	78.468.667.727	78.468.667.727
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.846.866.772	(7.846.866.772)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.923.433.385)	(3.923.433.385)
Số dư tại ngày 30/6/2023	1.723.461.730.000	236.741.977.230	88.406.702.463	400.469.198.454	2.449.079.608.147

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ-VLC ĐHCĐ/2023 ngày 3 tháng 4 năm 2023, Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 10% tương ứng với số tiền 7.846.866.772 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 11.282.018.231 VND) và Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ 5% tương ứng với số tiền 3.923.433.385 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 5.641.009.117 VND).

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	172.346.173	1.723.461.730.000	172.346.173	1.723.461.730.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	172.346.173	1.723.461.730.000	172.346.173	1.723.461.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	172.346.173	1.723.461.730.000	172.346.173	1.723.461.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.754.797.556	3.319.255.984
Từ hai đến năm năm	12.110.472.395	10.925.962.145
Trên năm năm	49.158.045.833	54.571.898.942
	65.023.315.784	68.817.117.071

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Cung cấp dịch vụ	1.867.426.437	1.792.949.802

24. Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.174.494.018	912.263.398

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Cổ tức được chia	65.229.971.000	97.844.956.500
Lãi tiền gửi và cho vay	28.313.404.681	25.135.189.783
	93.543.375.681	122.980.146.283

26. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Dự phòng đầu tư tài chính	130.991.037	1.327.457.371

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.679.242.476	3.934.813.947
Chi phí khấu hao	233.259.882	269.870.880
Thuế, phí và lệ phí	1.447.858.401	671.839.140
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.074.934.026	3.065.018.017
Chi phí bằng tiền khác	6.256.078.547	909.837.268
	14.691.373.332	8.851.379.252

28. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	204.545.455	8.806.174.074
Thu nhập khác	562.994.826	599.231.868
	767.540.281	9.405.405.942

29. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí khấu hao các tài sản tạm thời không sử dụng	164.844.470	1.504.024.304
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	651.927.362	5.115.718.310
Chi phí khác	896.044.453	453.803.708
	1.712.816.285	7.073.546.322

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.679.242.476	3.934.813.947
Chi phí khấu hao	502.827.820	506.072.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.339.386.302	3.741.080.246
Chi phí khác	6.326.910.752	1.581.676.408

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	78.468.667.727	116.013.855.684
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	15.693.733.545	23.202.771.137
Chi phí không được khấu trừ	262.538.002	421.705.535
Thu nhập không bị tính thuế	(13.045.994.200)	(19.568.991.300)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.910.277.347)	(4.028.439.813)
	-	27.045.559

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	316.931.220	330.198.436
Cổ tức được chia	65.229.971.000	97.844.956.500
Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật		
Bán hàng hóa, dịch vụ	184.211.769	-
Góp vốn	351.900.000.000	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	628.942.308	180.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Thù lao và các khoản phúc lợi khác	312.000.000	264.000.000

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và các thuyết minh liên quan. Thông tin so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và các thuyết minh liên quan. Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 lần lượt đã được kiểm toán và soát xét.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng



Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính



Trịnh Phương Nam
Tổng Giám đốc

